

Số: 15 /2010/QĐ - UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 8 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo trì  
đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 168/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ Quy định về nguồn tài chính và quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 10/2008/TTLT/BTC-BGTVT ngày 30 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp Kinh tế quản lý, bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý bảo trì đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 2253/ĐBVN ngày 12 tháng 11 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định Quốc lộ 37 thay thế Quốc lộ 379 và Quốc lộ 36;

Căn cứ Quyết định số 3018/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 9 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh đoạn tuyến Quốc lộ 2C thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc - Hà Tây - Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 38/2004/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quy định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân khi vi phạm trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 48 /TTr-SGTVT ngày 26 tháng 5 năm 2010 về việc đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về phân cấp và quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 12/2007/QĐ-UB ngày 15 tháng 5 năm 2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về phân cấp Quản lý đường bộ.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; Báo cáo
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các Đoàn thể tỉnh;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Như điều 3 (thi hành);
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, GT, TC, TH, XD, TP, TL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Chiến

**QUY ĐỊNH**  
**Về quản lý và bảo trì đường bộ**  
**thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phân cấp quản lý, bảo trì đường bộ; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong quản lý bảo trì đường bộ; nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho công tác quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý và bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Chương II**  
**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ HIỆN CÓ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ**  
**HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 3. Các tuyến đường bộ hiện có trên địa bàn tỉnh**

**1. Các tuyến Quốc lộ** (ký hiệu QL): Là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh, đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ ba địa phương trở lên, đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ, đường có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực.

Tổng chiều dài các tuyến Quốc lộ trong tỉnh là 338,7 km, trong đó:

a) Quốc lộ 2: Từ xã Đội Bình, huyện Yên Sơn đến xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, chiều dài 90 km.

b) Quốc lộ 37: Từ đỉnh Đèo Khế xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương đến cầu Bồng xã Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, chiều dài 61,5 km.

c) Quốc lộ 2C: Từ xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương đến xã Lăng Quán huyện Yên Sơn, chiều dài 91,2 km (không kể 6,3 km đi chung QL.37).

d) Quốc lộ 279: Từ xã Đà Vị, huyện Na Hang đến xã Hồng Quang, huyện Chiêm Hoá, chiều dài 96 km.

*(Chi tiết các tuyến Quốc lộ theo phụ lục số 01 kèm theo)*

**2. Các tuyến đường tỉnh** (ký hiệu ĐT): Là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận, đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổng chiều dài các tuyến đường tỉnh là 396,56 km, trong đó:

a) Tuyến ĐT.185: Từ ngã ba Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang đến thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 74,1 km.

b) Tuyến ĐT.186: Từ ngã ba Sơn Nam (km55+100, QL.2C), xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương đến phà Hiên xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn chiều dài: 86,05 km.

c) Tuyến ĐT.187: Từ ngã ba Đài Thị đến đỉnh đèo Keo Mác huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 17 km.

d) Tuyến ĐT.188: Từ thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá đến xã Bình An huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 42 km (không kể 3 km đi chung QL.279).

đ) Tuyến ĐT.189: Từ xã Bình Xa đến thôn Lục Khang xã Yên Thuận huyện Hàm Yên, chiều dài: 61,5 km.

e) Tuyến ĐT.190: Từ km166 QL.2 xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên đến xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, chiều dài: 116 km (không kể 35 km đi chung QL.279).

*(Chi tiết các tuyến đường tỉnh theo phụ lục số 02 kèm theo)*

**3. Các tuyến đường huyện** (ký hiệu ĐH): Là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tổng chiều dài các tuyến đường huyện trong tỉnh là 927,86 km, trong đó:

- Huyện Na Hang	=	168,00 km
- Huyện Chiêm Hoá	=	237,10 km
- Huyện Hàm Yên	=	89,17 km
- Huyện Yên Sơn	=	233,68 km
- Huyện Sơn Dương	=	187,91 km
- Thành phố Tuyên Quang	=	12,00 km

*(Chi tiết các tuyến đường huyện theo phụ lục số 03 kèm theo)*

**4. Các tuyến đường đô thị** (ký hiệu ĐĐT): Là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị các huyện, thị xã.

Tổng chiều dài các tuyến đường đô thị là 219,06 km,

- Huyện Na Hang	=	11,70 km
- Huyện Chiêm Hoá	=	18,55 km
- Huyện Hàm Yên	=	11,90 km
- Huyện Yên Sơn	=	30,00 km
- Huyện Sơn Dương	=	7,25 km
- Thành phố Tuyên Quang	=	139,66 km

*(Chi tiết các tuyến đường đô thị theo phụ lục số 04 kèm theo)*

**5. Các tuyến đường xã** (ký hiệu ĐX): Là đường nối từ trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, ấp, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận, đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

**6. Các tuyến đường chuyên dùng** (ký hiệu ĐCD): Là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 4. Phân cấp quản lý, bảo trì hệ thống giao thông đường bộ.**

##### **1. Các tuyến Quốc lộ**

Tuyến Quốc lộ 37, Quốc lộ 2C và Quốc lộ 279: Bộ Giao thông Vận tải uỷ quyền cho tỉnh quản lý. Giao cho Sở Giao thông Vận tải trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác.

**2. Hệ thống đường tỉnh:** Giao cho Sở Giao thông Vận tải trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác.

**3. Hệ thống đường huyện, đường đô thị:** Giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác theo địa giới hành chính huyện, thành phố Tuyên Quang.

**4. Hệ thống đường xã:** Giao cho Ủy ban nhân dân các xã trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác theo địa giới hành chính xã.

**5. Các tuyến đường chuyên dùng:** Giao cho các cơ quan, đơn vị có đường trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác. Việc điều chỉnh đường chuyên dùng thành đường huyện, đường tỉnh phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; điều chỉnh thành đường xã phải do Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

### **Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ**

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải.**

1. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm trình Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt đối với các tuyến QL 37, 2C, 279; hệ thống đường tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị quản lý đường bộ thực hiện các quy định trong công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang để thực hiện việc bảo vệ công trình đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và phân đất bảo vệ, bảo trì đường bộ.

4. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì ở các đơn vị quản lý và bảo trì đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được giao quản lý.

5. Hướng dẫn các đơn vị quản lý giao thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do bão lũ gây ra. Thực hiện đảm bảo giao thông các tuyến đường được giao quản lý.

6. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp. Cấp và thu hồi giấy phép thi công đường bộ theo phân cấp.

7. Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, phân bổ vốn quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý.

8. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang chỉ đạo các đơn vị quản lý giao thông lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên, định kỳ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Thẩm định thiết kế, dự toán các công trình duy tu, sửa chữa đường bộ để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

10. Phê duyệt thiết kế, dự toán sửa chữa thường xuyên các tuyến đường được phân cấp quản lý.

11. Hướng dẫn và kiểm tra công tác khoán duy tu bảo dưỡng đường bộ của các đơn vị quản lý giao thông trong tỉnh.

12. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ giao thông xã, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân giao thông.

#### **Điều 6. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Tuyên Quang.**

1. Xây dựng kế hoạch vốn quản lý, bảo trì hàng năm hệ thống đường huyện theo phân cấp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ.

5. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

7. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì ở các đơn vị quản lý và sửa chữa đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được phân cấp quản lý.

8. Cấp và thu hồi giấy phép thi công các công trình trên các tuyến đường huyện theo phân cấp.

9. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp.

10. Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, phân bổ vốn quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý.

11. Phê duyệt thiết kế, dự toán sửa chữa thường xuyên các tuyến đường được phân cấp quản lý.

12. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

13. Trường hợp các tuyến đường huyện, đường đô thị bị xuống cấp và hư hỏng nặng do thiên tai, lũ lụt gây ra vượt quá khả năng kinh phí duy tu bảo dưỡng, UBND các huyện, thị xã sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách của đơn vị mình để khắc phục theo Điều 9 Luật Ngân sách; nếu ngân sách không đủ để khắc phục, UBND các huyện, thành phố Tuyên Quang lập tờ trình gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính; đối với hệ thống đường tỉnh, Sở Giao thông Vận tải lập tờ trình gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp nhu cầu kinh phí khắc phục duy tu, bảo dưỡng và thiên tai trình UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 7.** Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, cân đối kế hoạch vốn quản lý, bảo trì hàng năm hệ thống đường tỉnh, đường huyện và đường đô thị (thực hiện đồng thời với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm) trình UBND tỉnh phê duyệt

#### **Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

1. Quản lý và bảo trì hệ thống đường bộ được giao trên địa bàn cấp xã quản lý.

2. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ bao gồm cả việc giữ gìn các mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của dự án.

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

6. Lập biên bản để xử lý những hành vi vi phạm hành lang an toàn công trình giao thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn; tham gia quản lý hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn (kể cả Quốc lộ và đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị).

7. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV** **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP** **QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 9. Trách nhiệm Đoạn Quản lý và Sửa chữa đường bộ**

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường được giao duy tu, bảo dưỡng báo cáo Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo, điều hành công tác tuần đường; sửa chữa kịp thời các hư hỏng cầu, cống, đường; xử lý nhanh chóng khi có thông tin về tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng đảm bảo giao thông. Trường hợp hư hỏng nặng vượt quá khả năng thì vừa tổ chức đảm bảo giao thông vừa báo cáo kịp thời Sở Giao thông Vận tải.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, thanh tra giao thông vận tải để bảo vệ công trình giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

3. Lập kế hoạch, phương án phòng, chống bão lụt; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố.

4. Lập dự toán công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các tuyến đường được giao quản lý trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện nhiệm vụ duy tu sửa chữa đường bộ, quản lý hành lang an toàn đường bộ và cây xanh ven lộ. Bảo đảm giao thông đi lại êm thuận và thông suốt trên các tuyến quốc lộ do trung ương uỷ thác và đường địa phương được giao quản lý.

6. Tham gia kiểm tra an toàn giao thông đối với các công trình đang hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

7. Tổ chức đếm xe, phân loại cầu đường, cập nhật tình trạng cầu đường và báo cáo theo quy định.

8. Lập hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý, lưu giữ, bảo quản và thường xuyên bổ sung đầy đủ diễn biến và biện pháp khắc phục hư hỏng cầu đường vào hồ sơ quản lý.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Hạt Quản lý giao thông các huyện, Công ty TNHH một thành viên dịch vụ môi trường và quản lý đô thị**

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường được giao duy tu bảo dưỡng gửi cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo, điều hành công tác tuần đường; sửa chữa kịp thời các hư hỏng cầu, cống, đường; kịp thời xử lý khi có thông tin về tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng đảm bảo giao thông. Trường hợp hư hỏng nặng vượt quá khả năng thì

vừa tổ chức đảm bảo giao thông vừa báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Tuyên Quang và Sở Giao thông Vận tải.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền xã, phường, thị trấn, thanh tra giao thông vận tải - Sở Giao thông Vận tải, để bảo vệ công trình giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

3. Lập kế hoạch, phương án phòng, chống bão lụt; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố.

4. Lập dự toán công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các tuyến đường được giao quản lý trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện nhiệm vụ duy tu sửa chữa đường bộ, quản lý hành lang an toàn đường bộ và cây xanh ven lộ. Bảo đảm giao thông đi lại êm thuận và thông suốt trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị và đường địa phương được giao quản lý.

6. Tham gia kiểm tra an toàn giao thông đối với các công trình đang hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

7. Theo dõi, cập nhật tình trạng cầu đường và báo cáo theo quy định.

8. Lập hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý, lưu giữ, bảo quản và thường xuyên bổ sung đầy đủ diễn biến và biện pháp khắc phục hư hỏng cầu đường vào hồ sơ quản lý.

## **Chương V** **NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** **CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 11. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho công tác quản lý, bảo trì đường bộ**

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho quản lý, bảo trì hệ thống Quốc lộ từ nguồn vốn của Ngân sách trung ương và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

2. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, chủ yếu bố trí từ nguồn vốn của ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

3. Vốn hỗ trợ đầu tư cho quản lý, bảo trì hệ thống đường xã chủ yếu được cân đối từ nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn, đóng góp của nhân dân và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

### **Điều 12. Quy định về lập dự toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ**

1. Vốn cho quản lý và bảo trì đường bộ:

Căn cứ yêu cầu của công tác quản lý và bảo trì đường bộ theo định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách và giao kinh phí hỗ trợ cho công tác quản lý và bảo trì đường bộ theo định mức tính cho từng loại (đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị). Căn cứ số lượng ki lô mét từng loại đường và định mức quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch ngay từ đầu năm cho Sở Giao thông Vận tải (đối với hệ thống đường tỉnh), Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố Tuyên Quang (đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị) để phân bổ vốn cho các đơn vị quản lý đường.

Trong quá trình thực hiện nếu có biến động về chính sách tiền lương, giá vật tư... do Nhà nước quy định làm ảnh hưởng đến định mức chi phí cho quản lý và bảo trì đường bộ thì Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang lập phương án điều chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

## 2. Vốn cho sửa chữa định kỳ:

Căn cứ yêu cầu của công tác sửa chữa định kỳ theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải; ngay từ đầu năm, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang chủ động lập tờ trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch vốn và phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa; các bước tiếp theo thực hiện như đối với các công trình xây dựng cơ bản.

3. Vốn cho sửa chữa đột xuất: Là công việc sửa chữa cấp thiết do lũ lụt, thiên tai hoặc sự cố làm hư hỏng cầu, đường. Công tác này phải được xử lý kịp thời với khả năng sẵn có của đơn vị trực tiếp quản lý, đồng thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng để có biện pháp xử lý triệt để và trợ giúp nếu cần thiết. Việc điều tra, khảo sát thiệt hại công trình về chất lượng, khối lượng và lập biên bản xác nhận thiệt hại gồm đại diện các cơ quan: Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, thành phố Tuyên Quang; đơn vị quản lý đường. Công tác sửa chữa đột xuất được đầu tư theo báo cáo phương án xử lý kỹ thuật được lập, qua Sở chuyên ngành thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí, trong trường hợp cấp thiết phải đảm bảo giao thông, được phép vừa triển khai thi công vừa hoàn thành các thủ tục cần thiết để đảm bảo giao thông được an toàn, thông suốt.

## **Điều 13. Chấp hành dự toán kinh phí sự nghiệp kinh tế quản lý, bảo trì đường bộ**

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được UBND tỉnh giao, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo trì đường bộ; đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện.

## **Điều 14. Vốn cho quản lý, bảo trì đường bộ được sử dụng vào những nội dung sau**

1) Hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ trong giao thông đường bộ, bao gồm: Tổ chức theo dõi tình trạng kỹ thuật và quản lý công trình đường bộ; tổ chức giao thông đường bộ; kiểm tra, thanh tra việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; hoạt động của các bến phà, cầu phao có số thu không đủ chi thường xuyên; dự phòng các vật tư, thiết bị, phương tiện cho đảm bảo giao thông đường bộ; các hoạt động khác về quản lý nhà nước và phục vụ trong giao thông đường bộ.

2) Công tác bảo trì đường bộ bao gồm:

a) Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

b) Sửa chữa định kỳ (sửa chữa vừa và sửa chữa lớn) đường bộ;

c) Sửa chữa đột xuất đường bộ, khắc phục hậu quả thiên tai hoặc các nguyên nhân khác.

**Điều 15. Quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế quản lý, bảo trì đường bộ**

1. Các đơn vị được giao dự toán kinh phí sự nghiệp kinh tế quản lý, bảo trì đường bộ lập báo cáo quyết toán theo đúng mẫu biểu, thời hạn nộp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Sở Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm của các đơn vị trực tiếp giao nhiệm vụ, kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ theo quy định; Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán năm của Sở Giao thông Vận tải (đối với hệ thống đường tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang (đối với hệ thống đường huyện; đường đô thị).

**Điều 16.** Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Chương VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17.** Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung chưa phù hợp, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thành phố Tuyên Quang tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý sửa chữa và xây dựng phát triển hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Tuyên Quang, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị quản lý giao thông, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

**Điều 18.** Những tập thể, cá nhân làm tốt công tác quản lý đường bộ theo Quy định này được khen thưởng. Mọi hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đường bộ, làm trái các quy định trên, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hiện hành. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Chiến**

## HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

Phụ lục số: 04

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
	<b>Tổng cộng:</b>		<u>219,06</u>						
1	HUYỀN NA HANG		11,70						
1	Đầu cầu treo Gốc Sấu - Ngã Ba Thủy Điện Tất Lương - Đầu cầu cứng (tổ 17 TT Na Hang)	DBT.01	0,55	Km0 - Km0+550	Đầu cầu treo Gốc Sấu	Đầu cầu cứng (tổ 2 thị trấn Na Hang)			
2	Tổ 5 (Ngã ba nhà văn hoá) - Tổ 2 (Km79+400 DT190)	DBT.02	1,45	Km0 - Km1+450	Tổ 5 (Ngã ba nhà văn hoá)	Tổ 2 (Km79+400 DT190)			
3	Đầu cầu Nẻ (Km75+150) - Ngã ba Ban QL CT Đô thị (Km81+00)	DBT.03	5,85	Km0 - Km5+850	Đầu cầu Nẻ (Km75+150)	Ngã ba Ban QLCT Đô thị (Km81+00)			
4	Đầu cầu treo Gốc Sấu TT Na Hang - Đầu cầu cứng (tổ 2 Thị trấn Na Hang)	DBT.04	0,80	Km0 - Km0+800	Đầu cầu treo Gốc Sấu	Đầu cầu cứng (tổ 2 thị trấn Na Hang)			
5	Ngã ba Công an - Ngã ba Bưu điện	DBT.05	0,20	Km0 - Km0+200	Ngã ba Công An	Ngã ba Bưu điện			
6	Đường nội khu QH tổ 5	DBT.06	0,15	Km0 - Km0+150					
7	Đường nội khu QH tổ 3	DBT.07	0,50	Km0 - Km0+500					
8	Đường nội khu QH Chợ TT Thị trấn	DBT.08	0,60	Km0 - Km0+600					
9	Ngã ba mỏ đá Số 2 (Tổ 13) - Khu TĐC tổ 876 - Ngã ba Cầu Nẻ	DBT.09	1,10	Km0 - Km1+100	Ngã ba mỏ đá Số 2 (Tổ 13)	Ngã ba Cầu Nẻ			
10	Đường nội khu Ngòi Nẻ (Thị trấn)	DBT.10	0,50	Km0 - Km0+500					
II	HUYỀN CHIÊM HOẢ		18,55						
1	Đường số 1(DT190 qua thị trấn): Tổ Luộc 4 - Đầu cầu Chiêm Hoả (Kéo dài đường Hiệu Sách - Hạt QLGT)	DBT.01	3,00	Km0 - Km3	DT190 qua thị trấn	Hạt QL giao thông			

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
2	Đường số 2: Tổ Trung tâm 1 - Thị trấn Vĩnh Lộc (giao lộ đầu cầu Ngòi Năm)	DDT.02	1,02	Km0 - Km1+020	Tổ Trung tâm 1	Đầu cầu Ngòi Năm	
3	Đường số 4: cầu Ngòi Năm - Bến xe cũ (2 nhánh trong đó có 0,3Km đường vào tổ 2A)	DDT.03	1,12	Km0 - Km1+120	Cầu Ngòi Năm	Đường vào tổ 2A	
4	Đường số 5: Đường bờ sông từ cầu Ngòi 5 - Đầu cầu Chiêm Hoà - Dốc Hiêng (trong đó có 0,6Km từ Hạt GT - cầu Ngòi Năm)	DDT.04	1,60	Km0 - Km1+600	Cầu Ngòi 5	Dốc Hiêng	
5	Đường số 3: Tổ Lược 2 - Rẽ 2 (Trường PTTH)	DDT.05	0,93	Km0 - Km0+930	Tổ Lược 2	Rẽ 2 (Trường PTTH)	
6	Đường số 6: Tổ Lược 3 (Quy hoạch mới)	DDT.06	1,24	Km0 - Km1+240	Tổ Lược 3	Phố mới 1	
7	Đường số 8 (vành đai): Tổ Lược 4 - Chi nhánh Điện	DDT.07	1,70	Km0 - Km1+700	Tổ Lược 4	Chi nhánh điện	
8	Đường số 14: Đồng Lược - Phúc Hương	DDT.08	2,70	Km0 - Km2+700	Đồng Lược	Phúc Hương	
9	Đường số 7, số 9, số 10, số 11, số 12, số 13 và các đường ngang (Kéo dài đường Rẽ 1 + Đường ngang phố Mới và đường Khánh Thiên - Quảng Thái)	DDT.09	4,24	Km0 - Km4+240			
10	Đường từ Trường THCS Vĩnh Lộc - Quận Thái	DDT.10	1,00	Km0 - Km1	Trường THCS Vĩnh Lộc	Quận Thái	
<b>III HUYỆN HÀM YÊN</b>							
1	Ngã ba Kho Bạc - dốc Đèn	DDT.01	1,70	Km0 - Km1+700	Ngã ba Kho bạc	Ngã 3 Dốc Đèn	
2	Đường Toà án - Chi Cục thuế	DDT.02	0,10	Km0 - Km0+100	Toà án huyện Hàm Yên	Chi cục thuế Hàm Yên	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM DANH		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
3	Chợ mới - Chợ cũ	DDT.03	0,50	Km0 - Km0+500	Km178, Quốc lộ 2	Thư viện Hàm Yên	
4	Đường Hoóc Trai	DDT.04	0,65	Km0 - Km0+650	Nhà văn hoá trung tâm huyện	Đường dẫn cầu Tân Yên	
5	Đường cầu Tân Yên	DDT.05	3,70	Km0 - Km3+700	Bưu điện Hàm Yên	Ngã 3 Yên Thành	
6	Đường Đồng Bàng	DDT.06	2,00	Km0 - Km2	Ngã 3 Đồng Bàng	Đội Đồng Bàng	
7	Đường Cổng Đồi	DDT.07	0,30	Km0 - Km0+300	Ngã 3 Cổng Đồi	NV/H Cổng Đồi	
8	Đường từ QL2 - Nghĩa trang	DDT.08	2,00	Km0 - Km2	Km39 đường (TQ-HG)	Nghĩa trang	
9	Đường Trạm thực nghiệm - Nghĩa trang	DDT.09	0,95	Km0 - Km0+950	Đường Trạm thực nghiệm	Nghĩa trang	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN YÊN SƠN</b>		<b>30,00</b>				
1	Đường quanh - TT Tân Bình	DDT.01	4,00	Km0 - Km4			
2	Đường bao quanh huyện lỵ	DDT.02	26,00	Km0 - Km26			
<b>V</b>	<b>HUYỆN SƠN DƯƠNG</b>		<b>7,25</b>				
1	Đường 13B	DDT.01	1,60	Km0 - Km1+600	Cổng Hạt QLGT huyện	Ngã ba Tân Tiến	
2	Đường từ Chợ Chiêu - Thôn Cơ Quan	DDT.02	1,50	Km0 - Km1+501			
3	Đường từ Km187+200, QL37 - Mỏ thiết Bắc Lũng	DDT.03	2,50	Km0 - Km2+500	QL.37	Mỏ thiết Bắc Lũng	
4	Đường từ cổng UBND huyện - Km184, QL37	DDT.04	0,25	Km0 - Km0+250	UBND huyện	Km184, QL37	
5	Đường từ Km183+300, QL37 - Tổ nhân dân Tân Thịnh và tổ nhân dân Hồ Tiêu	DDT.05	1,10	Km0 - Km1+100			
6	Đường từ đường 13B - Km184, QL37	DDT.06	0,30	Km0 - Km0+300			

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
7	Đường từ tổ nhân dân Đảng Châu - các tổ nhân dân Thịnh Tiến, Tân An, An Kỳ, Kỳ Lâm	DDT.07	1,7	Km0 - Km1+700					
VI	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG		139,66						
*	Đường liên xã, phường		46,78						
1	Đường Nguyễn Tất Thành	DDT.01	8,00	Km0 -Km8		Km139+771 QL2 (Cổng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh)		Nút giao giữa QL2 và QL2 đoạn tránh (Km127+501 QL2)	
2	Đường Tân Trào	DDT.02	2,04	Km0 -Km2+040		Đường 17/8		Hết địa phận thành phố	
3	Đường Quang Trung	DDT.03	2,37	Km0 -Km2+370		Đường 17/8		Đường Chiến Thắng Sông Lô	
4	Đường 17/8	DDT.04	1,50	Km0 - Km1+500		Đường Trương Chinh		Đường Chiến Thắng Sông Lô	
5	Đường Kim Bình	DDT.05	6,70	Km0 - Km6+700		Cổng nhà máy Xi măng Tuyên Quang		Đường Tân Trào	
6	Đường Bình Thuận	DDT.06	4,90	Km0 - Km4+900		Đường 17/8		Đường Lê Đại Hành	
7	Đường từ (Km129+850, QL2 cũ) đến đường dẫn cầu An Hoà	DDT.06B	7,06	Km0 - Km7+060		(Km129+850, QL2 cũ)		Đường dẫn cầu An Hoà	
8	Cầu và đường dẫn cầu Tân Hà	DDT.06C	4,08	Km0 - Km4+080		Km5, DT185 (xã Trảng Dà)		QL2 (cổng BCH Quân sự tỉnh)	Mới xây dựng
9	Đường QL2 cũ (từ Km127+900, QL2 giao với đường QL2 đoạn tránh) - Giáp với đường Phạm Văn Đồng và đường Lê Đại Hành (Ngã ba Bình Thuận)	DDT.06D	5,08	Km0 - Km5+080		Km127+900, QL2 (giao với đường QL2 đoạn tránh)		Giáp với đường Phạm Văn Đồng và đường Lê Đại Hành (ngã ba Bình Thuận)	QL2 cũ mới bàn giao về địa phương

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
10	Đường từ đường Lý Thái Tổ qua cầu Gạo đến QL2, đoạn tránh	DBT.06E	2,10	Km0 - Km2+100	Đường Lý Thái Tổ	QL2, đoạn tránh			
11	Đường từ QL2, đoạn tránh đến cây xăng Km131+130, QL2 (cũ) và từ ngã Viên Châu đi vào khu sản xuất gạch Tuy Nền	DBT.06F	2,95	Km0 - Km2+950	QL2 đoạn tránh	Khu sản xuất Gạch tuy nền Viên Châu			
*	<b>Phường Phan Thiết</b>		<b>16,95</b>						
12	Đường Phan Thiết	DBT.07	5,00	Km0 - Km0+350	Ngã 3 giao với đường 17/8 (cổng Số GTVT)	Hố Bệnh Kiểm (hết khu Phan Thiết II)			
13	Đường Phố Nguyễn Lương Bằng	DBT.08	0,33	Km0 - Km0+330	Đường Phan Thiết	Đường Hà Huy Tập			
14	Đường Phố Hoàng Quốc Việt	DBT.09	0,33	Km0 - Km0+330	Đường Phan Thiết	Đường Hà Huy Tập			
15	Đường Nguyễn Văn Linh	DBT.10	0,66	Km0 - Km0+660	Đường Phan Thiết	Đường Đinh Tiên Hoàng			
16	Đường Phố Trần Đại Nghĩa	DBT.11	0,70	Km0 - Km0+700	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết Khu dân cư tổ 28			
17	Đường Phố Song Hào	DBT.12	0,60	Km0 - Km0+600	Đường Nguyễn Văn Linh	Hợp tác xã Quyết Tiến cũ			
18	Đường Hà Huy Tập	DBT.13	1,00	Km0 - Km1	Đường Tân Trào	Công ty cầu đường			
19	Đường Phố Nam Cao	DBT.14	0,35	Km0 - Km0+350	Đường Phan Thiết	Đường Quang Trung			
20	Đường Phố Hà Tuyên	DBT.15	0,70	Km0 - Km0+700	Đường 17/8	Đường Quang Trung			
21	Đường Phố Trần Nhân Tông	DBT.16	0,28	Km0 - Km 0+280	Phố Hoa Lư	Đường phố Hồng Thái			
22	Đường sau Công ty Điện Lực vào hết khu C	DBT.17	0,12	Km0 - Km0+120	Đường phố Hà Tuyên	Đường phố Hồng Thái			
23	Đường nội bộ khu C	DBT.18	0,18	Km0 - Km 0+180	Tập thể Dược cũ				
24	Đường khu dân cư tổ 1, 2 Phan Thiết	DBT.19							
	- Đoạn 1: Đường nội bộ khu dân cư tổ 1,2 Phan Thiết		1,10	Km0 - Km1+100	Khu dân cư tổ 1,2 Phan Thiết				

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐỊA DANH		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
	- Đường Phố Tôn Thất Tùng		0,70	Km0 - Km 0+700	Trung tâm Hương Sen	Đường phố Hoa Lư	
	- Đường phố Hoa Lư		0,34	Km0 - Km0+340	Đường Lê Duẩn	Đường 17/8	
	- Đường nội bộ Khu dân cư Phan Thiết 2		1,50	Km1 - Km1+500	Khu Phan Thiết 2		
25	Ngõ 51 đường Hà Huy Tập	DDT.20	0,80	Km0 - Km0+800	Đường Hà Huy Tập	Đường phố Song Hào	
26	Đường Đình Tiên Hoàng	DDT.21	0,80	Km0 - Km0+800	Đường Tân Trao	Đường Trần Phú	
27	Đường tập thể Tỉnh Ủy	DDT.22	0,25	Km0 - Km0+250	Đường 17/8 (đối diện tỉnh ủy)	Khu tập thể Tỉnh ủy	
28	Đường ra chợ Phan Thiết	DDT.23	0,36	Km0 - Km0+360	Đường Phan Thiết	Chợ Phan Thiết	
29	Đường phố Hồng Thái	DDT.24	0,35	Km0 - Km0+350	Ngã ba đường 17/8	Đường Quang Trung	
30	Đường từ đường 17/8 - Nhà khách Kim Bình (mới xây dựng)	DDT.24 A	0,50	Km0 - Km0+500	Ngã ba đường 17/9	Nhà khách Tỉnh ủy mới	
*	<b>Phường Minh Xuân</b>		<b>10,03</b>				
31	Đường Trần Hưng Đạo	DDT.25	1,00	Km0 - Km1	Đường 17/8 (Cực Thống kê)	Bến đò Trang Đà	
32	Đường Xuân Hoà	DDT.26	0,85	Km0 - Km0+850	Đường 17/8 (Bưu điện phường Minh Xuân)	Đường phố Phan Đình Phùng	
33	Đường phố Vũ Mùi	DDT.27	0,25	Km0 - Km0+250	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ	
34	Đường phố Lý Thành Tông	DDT.28	0,29	Km0 - Km0+290	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ	
35	Đường phố Nguyễn Đình Chiểu	DDT.29	0,19	Km0 - Km0 +190	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xuân Hoà	
36	Đường phố Hoàng Thế Cao	DDT.30	0,20	Km0 - Km0+200	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ	
37	Đường phố Bà Triệu	DDT.31	0,29	Km0 - Km0+290	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ	
38	Đường phố Hai Bà Trưng	DDT.32	0,57	Km0 - Km0+570	Ngã ba Vườn Thành	Đường Nguyễn Văn Cừ	
39	Đường phố Lê Quý Đôn	DDT.33	0,35	Km0 - Km0+350	Đường phố Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Văn Cừ	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
40	Đường phố Hoàng Hoa Thám	DBT.34	0,35	Km0 - Km0+350	Đường phố Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Văn Cừ			
41	Đường phố Phan Đình Phùng	DBT.35	0,25	Km0 - Km0+250	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ			
42	Đường Ngô Quyền	DBT.36	0,09	Km0 - Km1+090	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tân Hà			
43	Đường phố Nguyễn Thị Minh Khai	DBT.37	0,65	Km0 - Km0+650	Đường 17/8	Đường Tân Hà			
44	Đường phố Nguyễn Du	DBT.38	0,31	Km0 - Km0+310	Đường 17/8	Đường Tân Trào			
45	Đường phố Ngô Gia Khảm	DBT.39	0,15	Km0 - Km0+150	Đường phố Nguyễn Du	Đường Tân Trào			
46	Đường phố Trần Nhật Duật	DBT.40	0,30	Km0 - Km0+300	Đường 17/8 cạnh Khí tượng	Đường Tân Trào (Sau Sở Công thương)			
47	Đường phố Hồ Xuân Hương	DBT.41	0,34	Km0 - Km0+340	Đường 17/8 cạnh Rạp tháng 8	Đường Tân Trào (Cạnh Bảo Hiểm cũ)			
48	Đường phố Chu Văn An	DBT.42	0,55	Km0 - Km0+550	Đường Tân Hà	Đường 17/8 (Cổng trường THCS Hồng Thái)			
49	Đường Vườn Thánh	DBT.43	0,30	Km0 - Km0+300	Đường Ngô Quyền	Đến Nhà thờ Xứ			
50	Đường Lê Hồng Phong	DBT.44	0,53	Km0 - Km0+530	Đường 17/8	Đường Tân Hà			
51	Đường hồ Minh Xuân	DBT.45	0,19	Km0 - Km0+190	Đường 17/8 (chợ xếp Minh Xuân)	Đường Lê Hồng Phong			
52	Đường khu vườn hoa	DBT.46	0,68	Km0 - Km0+680	Đường 17/8	Đền Cây Xanh (Đường Lê Hồng Phong)			
53	Đường hợp tác xã Thủy Tinh cũ	DBT.47	0,25	Km0 - Km0+250	Đường Ngô Quyền	Hết khu dân cư			
54	Đường Nguyễn Văn Cừ	DBT.48	1,10	Km0 - Km1+100	Cuối đường Trần Hưng Đạo	Giao với đường 17/8 (ngã ba khách sạn Lô Giang)			
*	<b>Phường Tân Quang</b>		<b>8,56</b>						
55	Đường Lê Lợi	DBT.49	1,00	Km0 - Km1	Ngã Năm Chợ	Cầu Gạo			

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
56	Đường Chiến Thắng sông Lô	ĐĐT.50	1,00	Km0 - Km1	Đường 17/8 (ngã ba khách sạn Lô Giang)		Cầu Chả cũ		
57	Đường phố Lý Thái Tổ	ĐĐT.51	0,22	Km0 - Km0+220	Đường Lê Lợi		Cầu Chả mới		
58	Đường Trần Phú	ĐĐT.52	1,10	Km0 - Km1+100	Đường Hà Huy Tập		Đường chiến thắng sông Lô		
59	Đường phố Lý Nam Đế	ĐĐT.53	0,90	Km0 - Km0+900	Đường Đinh Tiên Hoàng		Đường chiến thắng sông Lô		
60	Đường phố Phan Chu Chinh	ĐĐT.54	0,21	Km0 - Km0+210	Đường Lê Lợi		Đường chiến thắng sông Lô		
61	Đường phố Văn Cao	ĐĐT.55	0,13	Km0 - Km0+130	Đường Nguyễn Trãi		Đường chiến thắng sông Lô		
62	Đường phố Xã Tắc	ĐĐT.56	0,65	Km0 - Km0+650	Đường Quang Trung		Đường chiến thắng sông Lô		
63	Đường phố Phan Bội Châu	ĐĐT.57	0,14	Km0 - Km0+140	Đường Nguyễn Trãi		Đường chiến thắng sông Lô		
64	Đường phố Lương Sơn Tuyết	ĐĐT.58	0,52	Km0 - Km0+520	Đường Đinh Tiên Hoàng		Đường chiến thắng sông Lô		
65	Đường Nguyễn Trãi	ĐĐT.59	0,55	Km0 - Km0+550	Đường phố Lương Sơn Tuyết		Cầu Chả mới		
66	Đường phố Tam Cờ	ĐĐT.60	0,47	Km0 - Km0+470	Đường phố Xã Tắc		Bến xe cũ		
67	Đường phố Đức Nghĩa	ĐĐT.61	0,12	Km0 - Km0+120	Đường Quang Trung		Đường phố Nguyễn Bình Khiêm		
68	Đường phố Nguyễn Bình Khiêm	ĐĐT.62	0,30	Km0 - Km0+300	Đường phố Đức Nghĩa		Đường Đinh Tiên Hoàng		
69	Đường dọc khu Đức Nghĩa	ĐĐT.63	0,14	Km0 - Km0+140	Đường dọc khu Đức Nghĩa				
70	Đường sau sân Vận Động	ĐĐT.64	0,35	Km0 - Km0+350	Đường Bình Thuận		Đường 17/8		
71	Đường ngang Thị uỷ	ĐĐT.65	0,10	Km0 - Km0+100	Đường chiến thắng sông Lô		Đường sau quảng trường		
72	Đường tiểu khu Nam Bình Thuận	ĐĐT.66	0,16	Km0 - Km0+160	Đường nội bộ khu dân cư phía Nam trường tiểu học Bình Thuận				
73	Đường sau Công an thành phố	ĐĐT.67	0,22	Km0 - Km0+220	Đường Bình Thuận		Đường Tân Trào		

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
74	Đường phố Thanh La	DBT.68	0,13	Km0 - Km0+130	Đường Bình Thuận	Đường Nguyễn Trãi			
75	Đường phố Mạc Đĩnh Chi	DBT.69	0,15	Km0 - Km0+150	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú			
*	<b>Phường Ý La</b>		<b>7,92</b>						
76	Đường Trường Chinh	DBT.70	1,80	Km0 - Km1+800	Đường 17/8	Hết địa phận thành phố			
77	Đường Nguyễn Chí Thanh	DBT.71	1,20	Km0 - Km1+200	Đường Trường Chinh	Hết địa phận thành phố			
78	Đường Kim Quan	DBT.72	1,72	Km0 - Km1+720	Đường Trường Chinh	Hết địa phận thành phố			
79	Đường Tiên Lũng	DBT.73	1,70	Km0 - Km1+700	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Chí Thanh			
80	Đường nội bộ khu dân cư tổ 32, tổ 33 (xã Ý La cũ)	DBT.74	1,50	Km0 - Km1+500					
*	<b>Phường Tân Hà</b>		<b>14,35</b>						
81	Đường Tân Hà	DBT.75	5,00	Km0 - Km5+000	Nghềnh Ngà xã Thăng Quân	Đường Ngô Quyền			
82	Đường Lê Duẩn	DBT.76	3,20	Km0 - Km3+200	Đường Tân Hà	Đường 17/8 (Cổng CA tỉnh)			
83	Đường Minh Thanh	DBT.77	2,50	Km0 - Km2+500	Đường Tân Hà	Đường Trường Chinh			
84	Đường Trại gà đi UBND xã Ý La	DBT.78	2,10	Km0 - Km2+100	Đường Tân Hà	Đường Trường Chinh			
85	Đường phố Tuệ Tĩnh	DBT.79	0,75	Km0 - Km0+750	Đường Tân Hà	Đường Lê Duẩn			
86	Đường nội bộ khu dân cư tổ 2, tổ 5 phường Tân Hà	DBT.80	0,80	Km0 - Km0+800					
*	<b>Phường Hưng Thành</b>		<b>11,55</b>						
87	Đường Phạm Văn Đồng	DBT.81	1,20	Km0 - Km1+200	Cầu Chả mới	Ngã ba Bình Thuận			
88	Đường Tôn Đức Thắng	DDT.82	1,30	Km0 - Km1+300	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Đại Hành			
89	Đường Phú Hưng	DDT.83	2,20	Km0 - Km2+200	Đường Phạm Văn Đồng	Ngã 3 Bình Thuận			

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
90	Đường liên minh	DDT.84	0,30	Km0 - Km0+300	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Tôn Đức Thắng			
91	Đường đi xóm Bình An	DDT.85	1,65	Km0 - Km1+650	Đường Lê Đại Hành	Hết khu dân cư Bình An			
92	Đường Lê Đại Hành	DDT.86	1,90	Km0 - Km1+900	Đường Phạm Văn Đồng	Giao QL37			
93	Đường nội bộ khu dân cư tổ 18, phường Hưng Thành	DDT.87	1,00	Km0 - Km1					
94	Đường nội bộ khu dân cư Ngọc Kim	DDT.88	2,00	Km0 - Km2					
*	<b>Phường Nông Tiến</b>		<b>14,68</b>						
95	Đường Bình Ca	DDT.89	1,50	Km0 - Km1+500	Chợ Bến phà Nông Tiến	Hết xóm trại Tâm			
96	Đường Bến Phà	DDT.90	0,68	Km0 - Km0+680	Bến phà Nông Tiến	Đường Tân Trào			
97	Đường Nhà máy giấy	DDT.91	1,10	Km0 - Km1+100	Đường Bến phà cũ	Qua XN giấy đến đường Kim Bình			
98	Đường qua xóm 18 đi trường học	DDT.92	0,48	Km0 - Km0+480	Đường Tân Trào qua trạm y tế đến trường tiểu học Nông Tiến				
99	Đường qua xóm 12 đi trường học	DDT.93	1,32	Km0 - Km1+320	Đường Tân Trào qua xóm 12 đến trường tiểu học Nông Tiến				
100	Đường vào Đất	DDT.94	0,45	Km0 - Km0+450	Đường Kim Bình qua nhà Văn hoá xóm 2 vào Đất				
101	Đường xóm 15	DDT.95	0,85	Km0 - Km0+850	Chân dốc đỏ	Trường cấp I,II Nông tiến			
102	Đường vào bãi rác	DDT.96	0,45	Km0 - Km0+450	Đường Tân Trào	Bãi rác			
103	Đường từ cầu Sắt vào Đất	DDT.97	0,25	Km0 - Km0+250	Cầu Sắt cũ vào đến đường đi Đất				
104	Đường từ xóm 6 đi QL37	DDT.98	0,80	Km0 - Km0+800	Xóm 6	Quốc lộ 37			

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐỊA DANH		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
105	Đường dọc bờ sông Lô từ xóm 2, xã Nông Tiến đến Km208+990, QL37 (ngã ba Chanh)	DBT.98B	4,80	Km0 - Km4+800	ừ xóm 2, phường Nông Tiến	Km208+990, QL37 (ngã ba Chanh)	
106	Đường nội bộ khu dân cư tổ 13, phường Nông Tiến	DBT.98C	2,00	Km0 - Km2			
*	<b>Xã Tràng Đà</b>		<b>7,54</b>				
107	Đường đi Tân Long	DBT.99	0,24	Km0 - Km0+240	Đường Kim Bình	Hết địa phận thành phố	
108	Đường Đền Ghênh	DBT.99B	0,65	Km0 - Km0+650	Đường Kim Bình	Đền Ghênh	
109	Đường XN bột Kẽm	DBT.99C	2,20	Km0 - Km2+200	Đường Kim Bình	Cửa hàng mua bán củ	
110	Đường xóm 6	DBT.99D	1,50	Km0 - Km1+500	Đường Kim Bình	Hết khu dân cư xóm 6	
111	Đường xóm 7	DBT.99D	0,45	Km0 - Km0+450	Đường Kim Bình	Hết khu dân cư xóm 7	
112	Đường qua bến Đò Tân Hà	DBT.99E	2,50	Km0 - Km2+500	Đường Kim Bình	Đọc bờ sông hết địa phận thành phố	
*	<b>Xã An Tường</b>		<b>1,30</b>				
113	Đường quanh UBND huyện Yên Sơn (cũ)	DBT.01B	1,30	Km0 - Km1+300			

## TỔNG HỢP HỆ THỐNG GIAO THÔNG TOÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của UBND tỉnh)

STT	LOẠI ĐƯỜNG	SỐ TUYẾN	CHIỀU DÀI (KM)	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>Quốc lộ</b>	<b>4</b>	<b>338,7</b>	QL2, QL37, QL2C, QL297
<b>B</b>	<b>Đường tỉnh</b>	<b>6</b>	<b>396,65</b>	ĐT.185,ĐT.186, ĐT.187, ĐT.188, ĐT.189,ĐT.190
<b>C</b>	<b>Đường huyện</b>	<b>85</b>	<b>927,86</b>	- Huyện Na Hang: 14 tuyến - Huyện Chiêm Hoá: 15 tuyến - Huyện Hàm Yên: 7 tuyến - Huyện Yên Sơn: 26 tuyến - Huyện Sơn Dương: 21 tuyến - Thành phố Tuyên Quang: 2 tuyến
<b>D</b>	<b>Đường đô thị</b>	<b>151</b>	<b>219,06</b>	
<b>I</b>	<b>HUYỆN NA HANG</b>		<b>235,70</b>	
1	Đường tỉnh	1	56,00	ĐT.190
2	Đường huyện	14	168,00	(ĐH.01 - ĐH.14)
3	Đường đô thị	10	11,70	(ĐĐT.01 - ĐĐT.10)
<b>II</b>	<b>HUYỆN CHIÊM HOÁ</b>		<b>391,75</b>	
1	Đường tỉnh	4	136,10	(ĐT.185, ĐT.187, ĐT.188, ĐT.190)
2	Đường huyện	15	237,10	(ĐH.01 - ĐH.15)
3	Đường đô thị	10	18,55	(ĐĐT.01 - ĐĐT.10)
<b>III</b>	<b>HUYỆN HÀM YÊN</b>		<b>170,57</b>	
1	Đường tỉnh	2	69,50	(ĐT.189, ĐT.190)
2	Đường huyện	7	89,17	(ĐH.01 - ĐH.07)
3	Đường đô thị	9	11,90	(ĐĐT.01 - ĐĐT.09)
<b>IV</b>	<b>HUYỆN YÊN SƠN</b>		<b>329,73</b>	
1	Đường tỉnh	2	66,05	(ĐT.185, ĐT.186)
2	Đường huyện	26	233,68	(ĐH.01 - ĐH.26)
3	Đường đô thị	2	30,00	(ĐĐT.01 - ĐĐT.02)
<b>V</b>	<b>HUYỆN SƠN DƯƠNG</b>		<b>253,16</b>	
1	Đường tỉnh	1	58,00	(ĐT.186)

STT	LOẠI ĐƯỜNG	SỐ TUYẾN	CHIỀU DÀI (KM)	GHI CHÚ
2	Đường huyện	21	187,91	(ĐH.01 - ĐH.21)
3	Đường đô thị	7	7,25	(ĐĐT.01 - ĐĐT07)
VI	<b>THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG</b>		<b>150,66</b>	
1	Đường tỉnh	2	11,00	(ĐT.185, ĐT.186)
2	Đường huyện	2	12,00	(ĐH.01, ĐH.02)
3	Đường đô thị	113	139,66	

## HỆ THỐNG QUỐC LỘ

Phụ lục số: 01

TT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM)	ĐỊA DANH		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
	<b>Tổng cộng:</b>		<u>338,7</u>				
1	Quốc lộ 2	QL.2	<b>90</b>	Km115 - Km205	Xã Đới Bình, huyện Yên Sơn	Xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	
2	Quốc lộ 37	QL.37	<b>61,5</b>	Km172+800 -Km238+152	Đỉnh Đèo Khế, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	Cầu Bồng, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	2,048Km (nhánh đi phá Hiện đã chuyển về đường địa phương)
3	Quốc lộ 2C	QL.2C	<b>91,2</b>	Km49+750 - Km147+250	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Xã Lăng Quán, huyện Yên Sơn	
4	Quốc lộ 279	QL.279	<b>96,0</b>	Km0 - Km96	Xã Đà Vĩ, huyện Na Hang	Xã Hồng Quang, huyện Chiêm Hoá	

## HỆ THỐNG ĐƯỜNG TỈNH

Phụ lục số: 02

TT	SỐ HIỆU VÀ TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐỊA DANH (ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI)	GHI CHÚ
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>396,65</b>			
I	<b>ĐT.185</b>	<b>74,10</b>	<b>Km0 - Km74+100</b>	<b>Ngã ba Nông Tiến - Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá</b>	
1	Thành phố Tuyên Quang	7,00	Km0 - Km7	Ngã ba Nông Tiến - Ngã ba Tân Long	
2	Huyện Yên Sơn	42,00	Km7 - Km49	Tân Long - Kiến Thiết	
3	Huyện Chiêm Hoá	25,10	Km49 - Km74,1	Xã Kim Bình - Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá	
II	<b>ĐT.186</b>	<b>86,05</b>	<b>Km0 - Km86+048</b>	<b>Ngã ba Sơn Nam, huyện Sơn Dương - xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn</b>	
1	Huyện Sơn Dương	58,00	Km0 - Km58	Ngã ba Sơn Nam - Thượng Ấm (Km192+700 QL.37) - Vĩnh Lợi	
2	Thành phố Tuyên Quang	4,00	Km58 - Km62	Cầu An Hoà - Km123+730 QL2	
2	Huyện Yên Sơn	24,05			
	Gồm:	22,00	Km62 - Km84	Km120+200 QL2 - xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	
		2,05	Km84 - Km86+048	Km234+700 QL37 - Phà Hiên	Kéo dài thêm 2,048Km QL37 (nhánh đi phà Hiên) Bộ GTVT đã bàn giao về cho địa phương
III	<b>ĐT.187</b>	<b>17,00</b>	<b>Km0 - Km17</b>	<b>Đài Thị - Keo Mác</b>	
1	Huyện Chiêm Hoá	17,00	Km0 - Km17	Xã Đài Thị - đỉnh đèo Keo Mác (xã Yên Lập)	Kéo dài thêm 3Km đường ĐT.176 cũ.

TT	SỐ HIỆU VÀ TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
IV	ĐT.188	42,00	Km0 - Km45	Thị trấn Vĩnh Lộc - Xã Bình An	
1	Huyện Chiêm Hoá	42,00	Km0 - Km42		3Km đi trùng QL.279 (từ Km27 - Km30)
V	ĐT.189	61,50	Km0 - Km61,5	Bình Xa - Yên Thuận	
1	Huyện Hàm Yên	61,50	Km0 - Km61,5	Km6 ĐT.190 xã Bình Xa - Thôn Lục Khang xã Yên Thuận	
VI	ĐT.190	116,00	Km0 - Km150	Km 166 QL2 (xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên - xã Thượng Giáp, huyện Na Hang)	
1	Huyện Hàm Yên	8,00	Km0 - Km8	Xã Thái Sơn - xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	
2	Huyện Chiêm Hoá	52,00	Km8 - Km60	Xã Yên Nguyên - xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	
3	Huyện Na Hang	56,00			
	Gồm:	20,00	Km60 - Km80	Xã Thanh Tương - thị trấn Na Nang	
			Km80 - Km115	Thị trấn Na Hang - xã Đà Vị	35 Km đi trùng QL.279
		36,00	Km115 - Km151	Xã Đà Vị - xã Thượng Giáp	

## HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN

Phụ lục: 03

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐỊA DANH (ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI)	GHI CHÚ
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>927,86</b>			
	<b>Huyện Na Hang</b>		<b>168,00</b>			
1	Đường từ Km8 đường Thượng Lâm - bản Phiêng Bung xã Năng Khả	DH.01	6,00	Km0 - Km6	Xã Sơn Phú - Xã Yên Hòa	
2	Yên Hoa - Sinh Long	DH.02	16,00	Km0 - Km16	Xã Yên Hòa - Xã Sinh Long	
3	Thượng Lâm - Lăng Can	DH.03	12,00	Km0 - Km12	Xã Thượng Lâm - Xã Lăng Can	
4	Đà Vĩ - Hồng Thái	DH.04	16,00	Km0 - Km16	Xã Đà Vĩ - Xã Hồng Thái	
5	Thượng Lâm - Phúc Yên	DH.05	8,00	Km0 - Km8	Xã Thượng Lâm - Xã Phúc Yên	
6	Nẻ - Thanh Tương	DH.06	4,00	Km0 - Km4	Km7+500 (Ngã ba Nẻ) - trụ sở UBND xã Thanh Tương	
7	Năng Khả - Thượng Lâm	DH.07	25,00	Km0 - Km25	Thôn Nà Khả (Xã Năng Khả) - Bến thủy xã Thượng Lâm	
8	Yên Hoa - Cồn Lôn	DH.08	7,00	Km0 - Km7	Xã Yên Hòa - Xã Cồn Lôn	
9	Yên Hòa - Khau Tinh	DH.09	14,00	Km0 - Km14	Xã Yên Hòa - Xã Khau Tinh	
10	Lăng Can - Xuân Lập	DH.10	14,00	Km0 - Km14	Xã Lăng Can - Xã Xuân Lập	
11	Thanh Tương - Bản Bung (xã Thanh Tương)	DH.11	10,00	Km0 - Km10	Trụ sở UBND xã Thanh Tương - Bản Bung	
12	Na Hang - thôn Hang Khào - thôn Nà Khả, xã Năng Khả	DH.12	8,00	Km0 - Km8	Na Hang - thôn Nà Khả, xã Năng Khả	
13	Thôn Tát Ngà, xã Phúc Yên - Xã Thủy Loa (cũ)	DH.13	12,00	Km0 - Km12	Thôn Tát Ngà, xã Phúc Yên - Xã Thủy Loa (cũ)	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
14	Lăng Can -Phúc Yên	DH.14	16,00	Km0 - Km16	Thôn Nà Khả xã Lăng Can - Trụ Sở UBND xã Phúc Yên	
<b>II</b>	<b>Huyện Chiêm Hoá</b>		<b>237,10</b>			
1	Phúc Thịnh - Trung Hà - Hồng Quang	DH.01	47,00	Km0 - Km47	Xã Phúc Thịnh - Xã Hồng Quang	
2	Kim Bình - Linh Phú - Giáp xã Trung Minh (Yên Sơn)	DH.02	24,00	Km0 - Km24	xã Kim Bình - Giáp xã Trung Minh (Yên Sơn)	(6Km kéo dài Ban cách mạng mới xây dựng)
3	Đảm Hồng - Phú Bình - Kiên Đài - Nà Bó - Ban Cham (xã Tri Phú)	DH.03	34,00	Km0 - Km34	Xã Ngọc Hội - Bản Cham xã Tri Phú	
4	Yên Lập - Bình Phú - Kiên Đài	DH.04	15,00	Km0 - Km15	Xã Yên Lập - Xã Bình Phú - Xã Kiên Đài	Kéo dài đoạn từ Bình Phú đến cầu Pắc Cáp
5	Thị trấn Vinh Lộc - Trung Hoà - Nhân Lý	DH.05	31,10	Km0 - Km31+100	Thị trấn Vinh Lộc - Xã Nhân Lý	Kéo dài nhánh chính đoạn từ trung tâm Nhân Lý đến thôn Chấn, nhánh 2 từ thôn Ba 1 đến đỉnh đèo Chắp, Bổ sung nhánh đi xã Quý Quận (Yên Sơn)
6	Vinh Quang - Bình Nhân	DH.06	5,00	Km0 - Km5	Xã Vinh Quang - Xã Bình Nhân	
7	Na Héc (xã Tân Mỹ) - Hà Lang	DH.07	8,00	Km0 - Km8	Xã Tân Mỹ - Xã Hà Lang	
8	Phúc Thịnh - Tân Thịnh - Hoà An	DH.08	13,00	Km0 - Km13	Xã Phúc Thịnh - Xã Hoà An	Kéo dài 7Km đoạn từ xã Tân Thịnh đến trung tâm xã Hoà An + 3Km nhánh rẽ ra Km34+900 đường tỉnh DT.190
9	Xuân Quang - Hùng Mỹ	DH.09	10,00	Km0 - Km10	Xã Xuân Quang - Xã Hùng Mỹ	Kéo dài 4Km từ xã Hùng Mỹ đến thôn Nghe
10	Hoà Phú - Nhân Lý (đỉnh đèo Chắp)	DH.10	4,00	Km0 - Km4	Xã Hoà Phú - Xã Nhân Lý	Đi đường đèo Chắp

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
11	Pắc Hóp - Nà Luông (xã Linh Phú)	DH.11	6,00	Km0 - Km6	Thôn Pắc Hóp - Thôn Nà Luông	
12	Kim Bình - Bình Nhân	DH.12	8,00	Km0 - Km8	Xã Kim Bình - Xã Bình Nhân	
13	Bản Tụm (xã Tân Mỹ) - Sơn Thủy (Xã Tân Mỹ)	DH.13	14,00	Km0 - Km14	Bản Tụm (xã Tân Mỹ) - Sơn Thủy (Xã Tân Mỹ)	
14	Nà Pồng xã Tân Mỹ - Trung tâm xã Hà Lang	DH.14	6,00	Km0 - Km6	Xã Tân Mỹ - Xã Hà Lang	
15	Nà Nghè - Thượng Minh (xã Hồng Quang)	DH.15	12,00	Km0 - Km12	Thôn Nà Nghè - Thôn Thượng Minh	
III	<b>Huyện Hàm Yên</b>		<b>89,17</b>			
1	TT Tân Yên - Nhân Mục	DH.01	6,00	Km0 - Km6	TT Tân Yên - Xã Nhân Mục	
2	Đức Ninh - Hùng Đức	DH.02	14,00	Km0 - Km14	Km 159 QL2 (xã Đức Ninh) - đỉnh đèo Quan giáp với xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Kéo dài thêm 3Km đến đỉnh đèo Quan giáp với xã Xuân Lai, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
3	Thái Hoà - Hồng Thái	DH.03	6,00	Km0 - Km6	Km 162 QL2 xã Thái Hoà - Hồng Thái	
4	Bình Xa - Minh Hương	DH.04	16,00	Km0 - Km16	Chợ Bình Xa - Chân núi Chạm Chu, xã Minh Hương	Kéo dài thêm 3Km đến Chân núi Chạm Chu, xã Minh Hương
5	Thái Sơn - Thành Long - Bằng Cốc - Nhân Mục	DH.05	18,20	Km0 - Km18+200	Km166 QL2 (xã Thái Sơn - Xã Thành Long - Xã Bằng Cốc - Ngã ba Nhân Mục	
6	Km199 QL2 - Yên Lâm	DH.06	12,00	Km0 - Km12	Km 199 QL2 - thôn Quảng Tân Xã Yên Lâm	Kéo dài thêm 9Km đến thôn Quảng Tân Xã Yên Lâm
7	Đường bờ sông - Phú Lưu - Minh Dàn - Minh Khương	DH.07	16,97	Km0 - Km16+970	Bờ số Lô - Minh Khương	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
IV	Huyện Yên Sơn		233,68			
1	Hùng Lợi - Trung Minh	DH.01	14,00	Km0 - Km14	Xã Hùng Lợi - Xã Trung Minh	
2	Thái Bình - Công Đa - Đạo Viên	DH.02	19,00	Km0 - Km19	Xã Thái Bình - Xã Công Đa - Xã Đạo Viên	
3	Cầu và đường dẫn cầu Tứ Quận	DH.03	5,00	Km0 - Km5	QL.2 - xã Phúc Ninh	
4	Trung Môn - Chân Sơn - Kim Phú	DH.04	13,00	Km0 - Km13	Xã Trung Môn - Xã Chân Sơn	Kéo dài thêm 6km đi xã Kim Phú
5	Trung Môn - Kim Phú	DH.05	10,00	Km0 - Km10	Xã Trung Môn - Xã Kim Phú	
6	Đường từ QL.2C xã Kim Quan đến giáp địa phận xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	DH.06	2,00	Km0 - Km2	QL.2C - Hết địa phận xã Kim Quan	Nhánh 1
			3,00	Km0 - Km3	Từ Km1 của tuyến chính - thôn Làng Thang xã Kim Quan	Nhánh 2
7	Cầu Tiên Phong - Thảng Quán	DH.07	1,70	Km0 - Km1+700	Cầu Tiên Phong - Xã Thảng Quán	
8	Tứ Quận - Quý Quán	DH.08	22,00	Km0 - Km22	Cầu Tứ Quận (phía xã Phúc Ninh) - Xã Quý Quán	
9	Phúc Ninh - Chiêu Yên	DH.09	9,00	Km0 - Km9	Xã Phúc Ninh - Xã Chiêu Yên	
10	Trung Sơn - Hùng Lợi	DH.10	9,50	Km0 - Km9,5	Ngã ba Trung Sơn - Xã Hùng Lợi	
11	Thái Bình - Tiến Bộ	DH.11	5,00	Km0 - Km5	Xã Thái Bình - Xã Tiến Bộ	
12	Tràng Đà - Tân Tiến	DH.12	18,30	Km0 - Km18+300	Ngã ba Tràng Đà - Xã Tân Tiến	
13	Km 146 QL2 - Lãng Quán	DH.13	8,00	Km0 - Km8	Km 146 QL.2 - Xã Lãng Quán	
14	Km 221 QL37 - Hoàng Khai	DH.14	4,00	Km0 - Km4	Km 221 QL37 - Xã Hoàng Khai	
15	Đường từ ngã ba Kim Quan - Khu ATK (hang Bác Hồ) xã Kim Quan	DH.15	1,00	Km0 - Km1	Ngã ba Kim Quan - Khu ATK (hang Bác Hồ) xã Kim Quan	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI)	GHI CHÚ
16	Như Hán đi Km234+600 QL37, xã Mỹ Bằng	DH.16	6,20	Km0 - Km6+200	Thôn Đông Rôm xã Như Hán - Thôn Ngôi Xanh xã Phú Lâm (Km234+600)	
17	Đường từ thôn Làng Ngoài 1 - thôn Đồng Mán, xã Lục Hành	DH.18	4,70	Km0 - Km4+700	Thôn Làng Ngoài 1 - thôn Đồng Mán	
18	Đường từ thôn Đò Thượng 4 đến đèo Đất Đỏ xã Quý Quận	DH.19	14,00	Km0 - Km14	Thôn Đò Thượng 4 - đèo Đất Đỏ xã Quý Quận	
19	Đường từ thôn Làng Ngoài 1 - đò Bến Thọ, xã Chiêu Yên	DH.20	7,30	Km0 - Km7+300	Từ thôn Làng Ngoài 1 - đò Bến Thọ, xã Chiêu Yên	
20	Đường đi khu di tích Đá Bàn, xã Mỹ Bằng	DH.21	7,00	Km0 - Km7	QL 37 - Khu di tích Đá Bàn, xã Mỹ Bằng	
21	Đường từ Km15 QL2 (TQ-HG) đi thôn cây Nhãn, xã Tứ Quận	DH.22	3,20	Km0 - Km3+200	Km15 QL2 (TQ-HG) - thôn cây Nhãn, xã Tứ Quận	
22	Đường từ thôn 11, xã Tứ Quận - thôn 8 xã Lăng Quan	DH.23	4,00	Km0 - Km4	Thôn 11, xã Tứ Quận - thôn 8 xã Lăng Quan	
23	Đường từ thôn An Lạc 1 - thôn An Lạc 2 xã Phúc Ninh	DH.24	2,50	Km0 - Km2+500	Từ thôn An Lạc 1 - thôn An Lạc 2 xã Phúc Ninh	
24	Đường Trung Trực - Đình Mười - Kiến Thiết	DH.25	22,48	Km0 - Km22+480	Xã Trung Trực - Đình Mười - Kiến Thiết	
25	Đường từ Km15 QL2 (TQ-HG) đi thôn Mục Bài, xã Tứ Quận - xã Tứ Quận đi thôn Làng Châu 1, xã Thăng Quận	DH.26	10,00	Km0 - Km10	Km15 QL2 (TQ-HG) - thôn Mục Bài, xã Tứ Quận - xã Tứ Quận - thôn Làng Châu 1, xã Thăng Quận	
26	Đường từ Km227+170, QL.37 đi Như Khê	DH.27	7,80	Km0 - Km7+800	Km227+170, QL.37	
V	<b>Huyện Sơn Dương</b>		<b>187,91</b>			
1	Tam Đa - Lâm Xuyên - Sầm Dương - Hồng Lạc	DH.01	13,00	Km0 - Km13	Xã Tam Đa - Xã Hồng Lạc	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI)	GHI CHÚ
2	Kỳ Lâm - Lương Thiện	DH.02	12,00	Km0 - Km12	Thị trấn Sơn Dương - Xã Lương Thiện	
3	Kỳ Lâm - Thiện Kế - Ninh Lai	DH.03	27,50	Km0 - Km26	Thị trấn Sơn Dương - Xã Ninh Lai	Có 1,5Km (nhánh từ ngã ba đường rẽ cầu Thiện Kế - Km55+150 QL.2C).
4	Vinh Lợi - Kim Xuyên	DH.04	27,00	Km0 - Km27	Vinh Lợi - Kim Xuyên	
5	Km55 đường ĐT.186 - Cấp Tiến	DH.05	6,00	Km0 - Km6	Xã Vinh Lợi - Xã Cấp Tiến	
6	Chi Thiết - Phú Lương	DH.06	13,00	Km0 - Km13	Xã Chi Thiết - Xã Phú Lương	
7	Trần Suối Lê - Minh Thanh - Tú Thịnh	DH.07	9,00	Km0 - Km9	Km94+200 QL2C (Trần Suối Lê) - xã Tú Thịnh	
8	Tuần Lộ - Đông Thọ	DH.08	16,00	Km0 - Km16	Xã Tuần Lộ - Xã Đông Thọ	
9	Tân Trào - Trung Yên	DH.09	6,00	Km0 - Km6	Xã Tân Trào - Xã Trung Yên	
10	Tân Trào - Bình Yên	DH.10	2,00	Km0 - Km2	Cả Thác Dãng xã Tân Trào - Xã Bình Yên	
11	Km56 đường ĐT.186 - Vinh Lợi	DH.11	2,00	Km0 - Km2	Xã Vinh Lợi	
12	Đông Thọ - Quyết Thắng	DH.12	5,60	Km0 - Km5+600	Xã Đông Thọ - Xã Quyết Thắng	
13	Cầu và đường dẫn cầu Thác Dãng	DH.13	1,51	Km0 - Km1+511	Ngã ba giao với Km90+700 QL.2C - đường cầu trắng- Lũng Tàu	
14	Đường cầu Trắng- Lân Nà Lừa- Lũng Tàu	DH.14	4,70	Km0 - Km4+700	Ngã ba giao với Km91+600 QL. 2C - Lũng Tàu	
15	Đường Tỉn Keo - Bảo tàng Tân Trào	DH.15	3,40	Km0 -Km3+400	Tỉn Keo - Bảo tàng Tân Trào	
16	Đường Hợp Hoà - Kháng Nhật	DH.16	4,00	Km0 -Km4	Xã Hợp Hoà - Xã Kháng Nhật	
17	Đường từ thôn Phúc Vương qua UBND xã Phúc Ứng đến Km70, QL2C	DH.17	9,00	Km0 -Km9	Thôn Phúc Vương - Km70, QL2C	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM - KM)	ĐỊA DANH (ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI)	GHI CHÚ
18	Cầu và đường dẫn cầu Trung Yên - xã Kim Quan, huyện Yên Sơn	DH.18	2,20	Km0 -Km2+200	Xã Trung Yên - Giáp xã Kim Quan (huyện Yên Sơn)	
19	Đường từ Km21+300, DT.186 - UBND xã Đông Lợi	DH.19	3,00	Km0 -Km3+400	Km21+300, DT.186 - UBND xã Đông Lợi	
20	Đường từ xã Hợp Hoà - xã Tuấn Lộ	DH.20	6,00	Km0 -Km6	Xã Hợp Hoà - Xã Tuấn Lộ	
21	Đông Thọ - Quyết Thắng - Văn Sơn - Đông Quý	DH.21	15,00	Km0 -Km18	Đông Thọ - Đông Quý	3Km đi chung với đường DH.04
VI	<b>Thành phố Tuyên Quang</b>		<b>12,00</b>			
1	Km130 QL2 (cũ) - Bình Ca	DH.01	8,00	Km0 - Km8	Km130 QL2 (cũ) - Bình Ca	Chuyển từ đường huyện, địa phận Yên Sơn về
2	Km126 QL2 (cũ) - Thái Long	DH.02	4,00	Km0 - Km4	Km126 QL2 (cũ) - Thái Long	